TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 5 – 2022
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa bà T với ông L".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2022/QĐXXST–HN ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 650A/17, khóm ĐP, phường ĐX, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Trần Quang Anh – Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Quang Anh thuộc Đoàn luật sư An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Hà Minh L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 29/10A, khóm TT, phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng do quen biết, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, ngày 06/3/2018.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Lê Ánh Dương, sinh ngày 05/4/2020, hiện cháu Dương đang chung sống với bà, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dương. Cháu Dương từ khi sinh ra đến nay đều chung sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Minh L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Lê Ánh Dương, sinh ngày 05/4/2020, hiện con chung đang sống chung với bà T, hơn nữa, cháu Dương dưới 36 tháng tuổi, nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống tốt nhất cho cháu đề nghị giao cháu Dương cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà T được ly hôn ông L.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Dương cho bà T nuôi dưỡng do cháu Dương dưới 36 tháng tuổi.

- Các vấn đề khác bà T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của bà T; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Dương; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của Hà Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân đã lâu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng ông L vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, bỏ mặc cho bà T tự giải quyết, không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét, mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng ông bà ly thân đã lâu, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ

hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Lê Ánh Dương, sinh ngày 05/4/2020, hiện cháu Dương đang chung sống với bà, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dương. Cháu Dương từ khi sinh ra đến nay đều chung sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Xét, từ khi ly thân đến nay bà T là người trực tiếp nuôi con, ông L không cùng bà T chăm sóc nuôi dạy con, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Dương cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lê Thị Ánh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hà Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000809 ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ánh T. Bà Lê Thị Ánh T được ly hôn ông Hà Minh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang, cấp cho bà Lê Thị Ánh T và ông Hà Minh L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Bà Lê Thị Ánh T và ông Hà Minh L có 01 con chung tên Hà Lê Ánh Dương, sinh ngày 05/4/2020, hiện cháu Dương đang chung sống với bà T.

2.2. Giao cháu Hà Lê Ánh Dương, sinh ngày 05/4/2020 cho bà Lê Thị Ánh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Lê Thị Ánh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hà Minh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Ánh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000809 ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPL;
- UBND phường MT, L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn **Lê Thị Thanh Vân** **Lê Thị Hồng Thi**